

MỘT VÀI ĐẶC ĐIỂM CỦA HỘ GIA ĐÌNH SAU KHI BỊ THU HỒI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CANH TÁC

LÊ THÁI THỊ BĂNG TÂM*

Mở đầu

Kể từ những năm 1980, Việt Nam bắt đầu thời kỳ của Đổi Mới kinh tế xã hội. Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ đã đem lại những thay đổi đáng kể trong đời sống của người dân Việt Nam. Tuy nhiên, việc Chính phủ thu hồi quyền sử dụng đất nông nghiệp của người nông dân trên nhiều vùng nông thôn ở Việt Nam để phục vụ cho quá trình này lại đang tác động đến sinh kế của hàng triệu nông dân, ảnh hưởng an ninh lương thực của đất nước và làm nảy sinh những vấn đề xã hội ở cấp độ vi mô và vĩ mô.

Phương pháp luận và lập luận chính của bài viết

Phương pháp luận. Bài viết này sử dụng tiếp cận sinh kế nông thôn bền vững (Sustainable Rural Livelihoods Approach) để phân tích tiếp cận đất đai, thu hồi quyền sử dụng đất và những ảnh hưởng của chúng đến hộ gia đình nông thôn (chủ yếu ở một số mặt: mức độ tiếp cận đất nông nghiệp, cơ cấu nguồn thu nhập, cơ cấu lao động, nghề nghiệp, di cư lao động, mức sống).

Tiếp cận này cho rằng sinh kế xuất phát từ những cơ hội mà con người có được nhằm sử dụng những nguồn lực của mình để đạt được những mục tiêu do họ đặt ra. Sinh kế chịu ảnh hưởng của tính dễ bị tổn thương, chính sách, thể chế (chính thức và không chính thức) và những quá trình. Định nghĩa về sinh kế được Robert và Gordon Conway nêu ra và đã được nhiều người chấp nhận: “Sinh kế bao gồm các khả năng, tài sản (bao gồm cả vật chất và nguồn lực xã hội) và các hoạt động cần thiết để kiếm sống. Một sinh kế bền vững khi nó có khả năng ứng phó và phục hồi khi bị tác động hay có thể thúc đẩy các khả năng và tài sản ở thời điểm hiện tại và tương lai trong khi không làm xói mòn (phá hoại) nền tảng nguồn lực tự nhiên” (Diana Carney 1998 : 4).

Bộ Phát triển Vương quốc Anh (DIFID) đã đề xuất Khung sinh kế bền vững (Sustainable Livelihoods Framework) năm 1998, giúp khai thác và hiểu rõ hầu hết toàn bộ các yếu tố liên quan đến thực trạng sinh kế của người nghèo cũng như các mối quan hệ qua lại giữa các yếu tố đó. Cơ cấu nguồn vốn tài sản¹ được nêu ra trong Khung sinh kế được xem như là yếu tố quan trọng trong sinh kế bền vững của hộ gia đình, ảnh hưởng đến kết quả của sinh kế thông qua những quá trình, thể chế và các chiến lược sinh kế.

Lập luận chính trong bài viết này không tập trung vào sự dịch chuyển từ vốn tự nhiên sang vốn tài chính để thực hiện chiến lược sinh kế bằng những ngành nghề phi nông nghiệp (Ngô Hữu Hoạch 2010). Từ lập luận rằng, việc thay đổi (thu hẹp) một trong các nguồn vốn của hộ gia đình nông dân là vốn tự nhiên (đất canh tác) như là một yếu tố thúc đẩy chiến lược sinh kế của hộ gia đình (chuyển đổi nghề nghiệp theo hướng giảm lao động gia đình tham gia sản xuất nông nghiệp sang các ngành nghề phi nông nghiệp). Do phụ

* ThS, Đại học KHXH & NV, Đại học Quốc gia Hà Nội.

¹ Bao gồm 5 loại nguồn vốn: vốn tự nhiên, vốn con người, vốn vật chất, vốn xã hội và vốn tài chính

thuộc vào chính các quá trình kinh tế-xã hội của địa phương nên các hộ gia đình có thể lựa chọn phương thức sinh kế như thế nào cho phù hợp và hiệu quả (các hộ gia đình bị thu hồi đất có thể sử dụng phương thức sinh kế là di cư lao động ra khỏi địa phương hay là không). Việc suy giảm nguồn vốn tự nhiên của hộ gia đình không hẳn dẫn đến một hệ quả sinh kế thấp (mức sống giảm). Mức sống của hộ gia đình sau khi bị thu hồi đất không bị sụt giảm nhưng chưa cao do nhiều hộ gia đình nông thôn vẫn phải kiếm sống chủ yếu trên phần đất nông nghiệp bị thu hẹp của mình.

Nghiên cứu này chỉ ra một số đặc điểm của hộ gia đình nông thôn bị thu hồi quyền sử dụng đất nông nghiệp cũng như một số thay đổi của những gia đình này từ trước và sau khi bị thu hồi đất; một số khác biệt giữa các hộ gia đình bị thu hồi đất và không bị thu hồi đất. Từ đó, mong muốn có thể gợi ra những suy ngẫm khoa học về ảnh hưởng nhiều chiều của quá trình thu hồi đất nông nghiệp đến sinh kế của hộ gia đình nông thôn, trong những điều kiện cụ thể của các gia đình này.

Để thực hiện bài viết này, tôi chủ yếu sử dụng dữ liệu của đề tài độc lập cấp Nhà nước “Tác động của quá trình đô thị hoá đến sự phát triển của khu vực nông thôn giai đoạn 2011 -2020” (Mã số: ĐTDL.2010T/38, do PGS.TS. Hoàng Bá Thịnh là chủ nhiệm đề tài), nghiên cứu được thực hiện trong trong quý 2 năm 2011.

Ngoài việc nghiên cứu một số vấn đề lý luận liên quan đến tác động của quá trình đô thị hoá đến phát triển vùng nông thôn, một nội dung quan trọng và chủ yếu của nghiên cứu ĐTDL.2010T/38 là đánh giá thực trạng đô thị hoá và tác động của đô thị hoá đến phát triển vùng nông thôn nước ta trong giai đoạn 2011-2020. Có 5 tỉnh/thành phố được lựa chọn để khảo sát: Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Bắc Ninh, Hải Dương và Bình Dương, với lượng mẫu nghiên cứu định lượng là 3000 hộ gia đình. Trong năm tỉnh/thành phố được lựa chọn, có ba tỉnh được lựa chọn (Bắc Ninh, Hải Dương và Bình Dương) dựa trên tiêu chí là địa phương có quá trình thu hồi quyền sử dụng đất nông nghiệp từ sớm, mạnh mẽ và có nhiều khu công nghiệp được xây dựng từ việc lấy đất nông nghiệp hơn so với các địa phương khác trong cả nước.

Thời điểm thu hồi quyền sử dụng đất nông, lâm nghiệp

Trong khảo sát của ĐTDL.2010T/38, thời gian thu hồi quyền sử dụng đất canh tác nông nghiệp, lâm nghiệp (tạm gọi tắt là thu hồi đất canh tác) của hộ gia đình kéo dài từ năm 1994 đến nay. Tuy nhiên tốc độ thu hồi đất nông nghiệp được đẩy mạnh hơn từ năm 2003 đến nay tại ba tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương và Bình Dương. Chúng tôi tạm chia quá trình thu hồi đất nông, lâm nghiệp thành ba giai đoạn: (i) từ trước năm 2005; (ii) từ năm 2005-2008 và (iii) từ 2009-2011. Kết quả của bảng 1 cho thấy nhìn chung cả ba tỉnh, trong giai đoạn 2005-2008, tỷ lệ hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác nhiều gấp hai lần ở giai đoạn trước 2005 và gấp hơn ba lần so với giai đoạn 2009-2011. Trong giai đoạn này, Bắc Ninh là tỉnh có tỷ lệ hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác nhiều hơn hai tỉnh còn lại. Hải Dương và Bình Dương có tỷ lệ hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác nhiều ở giai đoạn một. Trong những năm gần đây (2009-2011), quá trình thu hồi đất canh tác chỉ còn tiếp diễn ở Bắc Ninh là chủ yếu. Có thể nói, quá trình thu hồi đất canh tác diễn ra ở Hải Dương và Bình Dương sớm hơn và giảm nhanh hơn so với Bắc Ninh. Trong ba tỉnh thì Bắc Ninh là tỉnh có

tỷ lệ hộ gia đình bị thu hồi đất nông, lâm nghiệp cao hơn rất nhiều so với hai tỉnh Hải Dương và Bình Dương.

Bảng 1. Thời điểm và tỷ lệ hộ gia đình bị thu hồi quyền sử dụng đất nông, lâm nghiệp

	Bắc Ninh		Hải Dương		Bình Dương		Tổng	
	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %
Trước 2005	45	10,6	93	58,5	29	43,9	167	25,7
Từ 2005-2008	283	66,4	64	40,3	31	47,0	378	58,1
Từ 2009-2011	98	23,0	2	1,3	6	9,1	106	16,3
Tổng	426	100	159	100	66	100	651	100

Diện tích đất nông, lâm nghiệp giảm mạnh

Tính chung ba tỉnh (Bắc Ninh, Hải Dương và Bình Dương) thì diện tích canh tác (nông, lâm nghiệp) trung bình của một hộ gia đình vào thời điểm năm 2005 là 2411,37m² và hiện nay (tại thời điểm nghiên cứu) là 700,15m² (giảm hơn ba lần).

Xét riêng từng tỉnh thì Bình Dương là tỉnh có số diện tích trung bình giảm đi nhiều nhất (hơn 6 lần), so với Bắc Ninh (2,6 lần) và Hải Dương (2,4 lần) (bảng 2). So sánh với nhận định ở mục trên, có thể nhận thấy mặc dầu diện tích đất canh tác ở Bình Dương bị thu hẹp nhiều nhất nhưng số hộ bị ảnh hưởng bởi thu hồi đất canh tác lại ít nhất.

Bảng 2. Diện tích (m²) đất nông, lâm nghiệp trung bình của một hộ gia đình năm 2005 và hiện nay của ba tỉnh

Tỉnh	Tại 2005	Hiện nay
Bắc Ninh	1617,14	625,35
Hải Dương	1322,96	546,36
Bình Dương	9346,51	1462,00
Tổng	2411,37	700,15

Tỷ trọng diện tích đất canh tác bị thu hồi quyền sử dụng

Tính chung ở ba tỉnh thì thấy tỷ trọng đất canh tác bị thu hồi quyền sử dụng của hộ gia đình khá lớn (bảng 3). Có tới trên 50% hộ gia đình bị thu hồi quyền sử dụng đất canh tác trên 60% tổng diện tích đất canh tác của hộ gia đình. Tính chung ba tỉnh, có gần 20% hộ gia đình bị thu hồi 100% đất canh tác. Bình Dương là tỉnh có tỷ lệ hộ gia đình bị thu hồi 100% đất canh tác cao nhất (62,3%), tiếp đến Hải Dương (17,0%) và Bắc Ninh (12,8%).

Bảng 3. Tỷ trọng % đất nông, lâm, ngư nghiệp bị thu hồi của hộ gia đình của 3 tỉnh

Tỷ lệ % đất bị thu hồi	Bắc Ninh		Hải Dương		Bình Dương		Tổng số	
	Số lượng hộ gia đình	Tỷ lệ %	Số lượng hộ gia đình	Tỷ lệ %	Số lượng hộ gia đình	Tỷ lệ %	Số lượng hộ gia đình	Tỷ lệ %
Dưới 20	28	6,5	11	6,9	5	7,2	44	6,7
Từ 21 - 40	79	18,3	27	17,0	4	5,8	110	16,7
Từ 41- 60	105	24,4	52	32,7	9	13,0	166	25,2
Trên 60	219	50,8	69	43,4	51	73,9	339	51,4
Tổng số	431	100,0	159	100,0	69	100,0	659	100,00

Dư thừa lao động nông, lâm nghiệp

Nếu tính toán theo dữ liệu ở Bảng 2 và Bảng 4 thì trung bình một lao động của một hộ gia đình của ba tỉnh, tại thời điểm năm 2005 được canh tác trên diện tích 834,38 m² (tạm đặt là chỉ số Z). Tại thời điểm năm 2011 thì chỉ số này giảm xuống chỉ còn 253,68m² (giảm 3,29 lần). Tính riêng từng tỉnh thì Bình Dương là tỉnh có độ lớn của chỉ số Z giảm mạnh nhất (5,73 lần tại năm 2005 so với năm 2011), sau đó đến Bắc Ninh (giảm 2,59 lần) và Hải Dương (2,32 lần). Như vậy có thể nhận thấy một hệ quả khá rõ là sự dư thừa lao động nông, lâm nghiệp ở các tỉnh có quá trình thu hồi diện tích đất canh tác mạnh trong khảo sát này. Nếu chỉ căn cứ vào tính toán ước lệ trên thì Bình Dương sẽ là tỉnh có số lượng lao động nông, lâm nghiệp bị dư thừa cao nhất trong số ba tỉnh.

Bảng 4. Số người trung bình của hộ gia đình của ba tỉnh

Tỉnh	Số người sống chung năm 2005	Số người sống chung năm 2011	Số người trong độ tuổi lao động tại 2005	Số người trong độ tuổi lao động năm 2011	Số lao động nữ năm 2005	Số lao động nữ năm 2011
Bắc Ninh	4,46	4,41	2,94	2,84	1,52	1,49
Hải Dương	3,73	3,65	2,68	2,57	1,23	0,98
Bình Dương	4,37	4,09	2,99	2,68	1,45	1,29
Tổng	4,28	4,20	2,89	2,76	1,44	1,35

Tuy nhiên trên thực tế những lao động “dư thừa” này có thể đã tham gia vào các ngành nghề khác nhau để duy trì và phát triển kinh tế gia đình họ.

Thay đổi cơ cấu lao động giữa các ngành nghề

Quá trình thu hồi quyền sử dụng đất của hộ gia đình ở ba tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương và Bình Dương từ ĐTDL.2010T/38 kéo dài từ năm 2003 đến nay. Trong khoảng thời gian này,

song song với ảnh hưởng của quá trình thu hồi quyền sử dụng đất là ảnh hưởng của nhiều yếu tố kinh tế-xã hội khác khiến nhiều lao động của hộ gia đình chuyển đổi ngành nghề.

Bảng 5. Số lao động trung bình của hộ gia đình tham gia ngành nghề (đơn vị: người)

Ngành nghề	Năm 2005				Hiện nay			
	Bắc Ninh	Hải Dương	Bình Dương	Tổng	Bắc Ninh	Hải Dương	Bình Dương	Tổng
Nông nghiệp, ngư nghiệp	1,93	2,38	2,12	2,08	1,79	1,93	2,10	1,85
Công chức, viên chức	1,28	1,33	1,18	1,29	1,32	1,50	1,31	1,34
Công nhân	1,41	1,50	1,91	1,48	1,44	1,69	1,53	1,51
Tiểu, thủ công nghiệp	1,81	1,36		1,70	1,57	1,71		1,62
Lao động tự do	1,46	1,38	1,54	1,47	1,42	1,32	1,10	1,39
Dịch vụ	1,33	1,33	1,00	1,28	1,38	1,33	1,00	1,32
Kinh doanh, buôn bán	1,54	1,00	2,14	1,60	1,47	1,42	1,48	1,47
Đang đi học	1,54	1,33	1,43	1,50	1,31	1,80	1,47	1,39
Không có việc làm	1,00	1,00	1,30	1,15	1,05	1,63	1,14	1,18

Tính chung, so với năm 2005, số lao động trung bình của hộ gia đình hiện nay tham gia các ngành nông, ngư nghiệp; ngành tiểu thủ công nghiệp; ngành kinh doanh buôn bán, lao động tự do và không nghề nghiệp có chiều hướng giảm. Ngành nông, ngư nghiệp có số lao động trung bình của hộ gia đình giảm nhiều hơn cả. Nhiều nhất ở tỉnh Hải Dương. Điều này có thể lý giải do ảnh hưởng mạnh mẽ hơn của quá trình thu hồi quyền sử dụng đất canh tác của hộ gia đình từ năm 2003 đến nay so với các yếu tố khác. Trong khi đó, có xu hướng tăng ở các ngành công chức, viên chức; công nhân; dịch vụ (bảng 5).

Riêng Bình Dương là tỉnh tập trung nhiều khu công nghiệp hơn 2 tỉnh còn lại thì số lao động gia đình làm công nhân dường như giảm đi. Có lẽ trong những năm gần đây, các khu công nghiệp ở Bình Dương không tuyển mới nhiều lao động so với thời điểm các khu công nghiệp ở đây mới bắt đầu hoạt động. Lao động tự do của hộ gia đình ở Bình Dương giảm đáng kể so với 2 tỉnh còn lại. Lao động tham gia kinh doanh buôn bán có xu hướng giảm ở Bắc Ninh và Bình Dương và tăng ở Hải Dương.

Tóm lại, đất canh tác của hộ gia đình bị thu hẹp do bị thu hồi quyền sử dụng đất khiến số lao động gia đình tham gia nông nghiệp, ngư nghiệp giảm đáng kể. Trong bối cảnh này, số lao động của gia đình tham gia vào một số ngành nghề khác có chiều hướng tăng lên. Từ đó cho thấy sự dịch chuyển ngành nghề từ nông, ngư nghiệp sang các ngành nghề khác đã và đang diễn ra ở các khu vực thuộc ba tỉnh khảo sát.

Lao động gia đình ra ngoài địa phương² làm ăn

Từ năm 2005 đến nay, trong toàn bộ hộ gia đình khảo sát tại năm tỉnh, chỉ có 11.7% hộ gia đình có lao động đến các địa phương khác làm ăn. Khi lọc ra những hộ này (trong tổng mẫu 3000 hộ gia đình) thì nhận thấy Hà Nội là địa phương có nhiều hộ gia đình có người đi làm ăn xa nhất so với các tỉnh còn lại (38,3%) (bảng 6). Địa phương có ít hộ gia đình có lao động đi làm ăn xa nhất là Bình Dương (6,0%). Có thể việc có nhiều khu công nghiệp tập trung ở Bình Dương đã thu hút nhiều lao động địa phương vào làm việc đã làm hạn chế sự di chuyển lao động ra khỏi địa phương.

Bảng 6. Tỷ lệ hộ gia đình có lao động đến các địa phương khác làm ăn từ năm 2005-nay

	Số hộ gia đình	Tỷ lệ %
Thành phố HCM	72	20,6
Bắc Ninh	87	24,9
Hải Dương	36	10,3
Hà Nội	134	38,3
Bình Dương	21	6,0
Tổng	350	100,0

Tại ba tỉnh bị thu hồi đất canh tác, tỷ lệ hộ gia đình có lao động đi làm ăn xa cũng không nhiều (10,1%). Trong số những hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác ở ba tỉnh này, Bắc Ninh là tỉnh có tỷ lệ hộ gia đình có lao động di chuyển ra ngoài tỉnh để làm ăn nhiều hơn Hải Dương và Bình Dương.

Để có thể thấy rõ hơn việc bị thu hồi đất canh tác có phải là yếu tố thúc đẩy lao động của hộ gia đình đi làm ăn ở địa phương khác không, khi kết hợp lọc dữ liệu của những hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác của ba tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương và Bình Dương với xử lý tương quan giữa hai biến “tỉnh” và “lao động gia đình đi làm ăn xa từ 2005”, kết quả thu được ở bảng 7.

Trong số những hộ có lao động đi làm ăn xa của ba tỉnh thì Bắc Ninh là tỉnh có tỷ lệ hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác cao nhất, lại có lao động gia đình đi làm ăn xa cao hơn rất nhiều so với hai tỉnh còn lại. Như vậy, có thể thấy rằng quá trình thu hồi đất canh tác chỉ tác động mạnh đến việc di chuyển ra địa phương khác để kiếm sống ở tỉnh Bắc Ninh mà thôi. Tựu chung lại, quá trình này đã thúc đẩy việc di chuyển lao động ra khỏi địa phương để làm ăn, tuy nhiên sự ảnh hưởng đến mỗi địa phương là khác nhau. Có thể có nhiều nguyên nhân của sự khác biệt này.

² Trong khuôn khổ của nghiên cứu ĐTĐL.2010T/38, di chuyển ra khỏi địa phương để làm ăn được hiểu là ra khỏi xã

Bảng 7. Tỷ lệ hộ gia đình có lao động đi làm ăn xa (ngoài xã, trong nước)

Tỉnh	Có LĐ đi làm ăn xa		Có LĐ đi làm ăn xa và bị thu hồi đất canh tác		Có LĐ đi làm ăn xa, không bị thu hồi đất	
	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %
Bắc Ninh	87	60,4	60	88,2	17	25,8
Hải Dương	36	25,0	5	7,4	31	47,0
Bình Dương	21	14,6	3	4,4	18	27,3
Tổng	144	100	68	100	66	100,0

Xử lý kết quả còn cho thấy trong những hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác tại ba tỉnh, tỷ lệ hộ gia đình có lao động di chuyển đến địa phương khác để làm công nhân chiếm một phần ba, làm nghề khác chiếm một phần ba. Số hộ còn lại có lao động đi làm kinh doanh buôn bán (12,0%), dịch vụ (9,3%) và tiểu thủ công nghiệp (9,3%)

Bảng 8. Sự giúp đỡ qua lại của gia đình có lao động đi làm ăn xa và lao động đi làm ăn xa

Lĩnh vực	Gia đình giúp đỡ người đi làm ăn xa	Người đi làm ăn xa giúp đỡ gia đình
Kinh tế	20,2	82,0
Tìm việc làm cho các thành viên khác của gia đình	3,4	7,9
Tạo cơ hội làm ăn mới	6,7	9,0
Mở rộng các mối quan hệ	7,9	7,9
Khác	25,0	10,2

Trong những gia đình bị thu hồi đất canh tác ở ba tỉnh và có lao động đi làm ăn xa từ năm 2005 đến nay, giữa gia đình và những lao động này đã có mối quan hệ hỗ trợ lẫn nhau để phát triển kinh tế gia đình và tạo điều kiện để lao động gia đình phát triển nghề nghiệp của họ. Kết quả ở bảng 8 cho thấy dường như nhiều lao động đi làm ăn xa giúp đỡ gia đình của họ hơn là gia đình hỗ trợ cho họ, đặc biệt là về kinh tế (có lẽ là tiền gửi về gia đình). Điều này cho thấy phần nào mục đích di chuyển lao động của gia đình ra khỏi địa phương để làm ăn đã đạt được.

Kết quả của nghiên cứu ĐTĐL.2010T/38 tại 5 tỉnh cho biết chỉ có một tỷ lệ rất thấp hộ gia đình có người xuất khẩu lao động từ năm 2005 trở lại đây (3,7% trong tổng số hộ gia đình khảo sát tại 5 tỉnh). Trong số gia đình có lao động xuất khẩu thì có 41% gia đình có lao động xuất khẩu vào năm 2005, số còn lại là những gia đình có lao động xuất khẩu trong một vài năm trở lại đây. Tỉnh có tỷ lệ hộ gia đình có lao động xuất khẩu lớn nhất là Hải Dương (85,4% trong tổng số hộ có lao động xuất khẩu của năm tỉnh). Hầu như toàn bộ hộ gia đình có lao động xuất khẩu đều tập trung ở tỉnh này (Bảng 9).

Bảng 9. Tỷ lệ hộ gia đình có lao động xuất khẩu từ năm 2005 đến nay

Tỉnh	Số hộ gia đình	Tỷ lệ %
TP Hồ Chí Minh	2	1,8
Bắc Ninh	9	8,2
Hải Dương	93	84,5
Hà Nội	6	5,5
Bình Dương	0	0,0
Tổng	110	100,0

Chỉ xem xét riêng tỉnh Hải Dương thì nhận thấy trong số 159 hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác (chiếm 26,5% tổng số hộ của tỉnh này được khảo sát) có 18,9% hộ gia đình có lao động xuất khẩu từ 2005 đến nay. So sánh với kết quả ở bảng 7 thì thấy rằng tỷ lệ hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác cho lao động gia đình đi làm thuê ở nước ngoài nhiều hơn so với tỷ lệ hộ gia đình có lao động đi làm ăn ở ngoài xã (18,9% so với 13,9%) .

Như vậy, khi bị thu hồi đất canh tác thì một trong phương thức sinh kế của những hộ gia đình là cho lao động gia đình đi ăn ở bên ngoài xã, trong đó có phương thức đi làm thuê ở nước ngoài. Trong ĐTĐL.2010T/38, tính riêng những hộ bị thu hồi đất canh tác thì hộ gia đình ở Bắc Ninh và Bình Dương chỉ sử dụng phương thức di chuyển lao động gia đình với biên độ hẹp (trong nước), còn Hải Dương thì sử dụng cả hai phương thức di chuyển lao động gia đình, trong đó nghiêng về di chuyển với biên độ rộng (ra nước ngoài) nhiều hơn. Có lẽ việc sử dụng phương thức sinh kế nào là phụ thuộc vào điều kiện riêng của từng địa phương.

Tóm lại, nhìn chung ở cả năm tỉnh thì phương thức di chuyển lao động gia đình đi làm ăn xa (trong nước hoặc nước ngoài) không được nhiều hộ gia đình lựa chọn. Yếu tố “thu hồi đất canh tác” dường như không có quan hệ với việc lựa chọn phương thức này. Sự liên hệ này nếu có chỉ ngẫu nhiên “rơi vào” những địa phương có “hoàn cảnh khác biệt” hơn so với các địa phương khác.

Gánh nặng kinh tế của lao động gia đình

Quy mô hộ gia đình trung bình (cỡ hộ trung bình) tính chung ba tỉnh năm 2011 là 4,20 người, cao hơn so với quy mô trung bình của hộ gia đình trên toàn quốc năm 2010 (3,89 người) (Tổng cục thống kê Tháng 6 năm 2011). Trong đó, Bắc Ninh, một tỉnh lớn ở đồng bằng sông Hồng, có quy mô hộ gia đình lớn nhất trong ba tỉnh khảo sát.

Khi sử dụng chỉ số tỷ lệ phụ thuộc lao động (gọi tắt là tỷ lệ phụ thuộc) của một hộ gia đình¹ để tìm hiểu về gánh nặng kinh tế của gia đình tại các vùng khảo sát. So với hộ gia đình trên toàn quốc thì tỷ lệ phụ thuộc lao động tính chung của năm tỉnh khảo sát nhìn

¹ Tỷ lệ phụ thuộc được tính là số người từ 0-14 tuổi và từ 60 tuổi trở lên tính bình quân trên số người từ 15 đến 59 tuổi. Tỷ lệ này càng cao thì gánh nặng về kinh tế của lao động trong hộ càng lớn

hơn một chút so với tỷ lệ phụ thuộc lao động của hộ gia đình trên toàn quốc so với năm 2006. Tỷ lệ phụ thuộc chung là 0,5 (hai lao động nuôi một người phụ thuộc), từ kết quả khảo sát hộ gia đình năm 2006, được đánh giá là một trong những biểu hiện của cơ cấu dân số vàng (Bộ Văn hóa 2008: 30). Như vậy, hiện nay gánh nặng kinh tế của hộ gia đình ở các tỉnh khảo sát không quá lớn. Tuy nhiên, kết quả khảo sát từ bảng 10 lại cho thấy gánh nặng kinh tế của lao động gia đình đã không phụ thuộc vào quá trình thu hồi đất canh tác có diễn ra hay không tại một địa phương. Trong số năm tỉnh thì Bắc Ninh có tỷ lệ phụ thuộc cao nhất, trong khi Hải Dương lại là tỉnh có tỷ lệ phụ thuộc thấp nhất. Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, hai tỉnh được chọn trong khảo sát hầu như không có số hộ gia đình bị thu hồi quyền sử dụng đất canh tác, thì giá trị của tỷ lệ phụ thuộc lại khá cao (xấp xỉ 0,6).

Bảng 10. Tỷ lệ phụ thuộc lao động của hộ gia đình năm 2011

Tỉnh	Tỷ lệ phụ thuộc lao động
Thành phố HCM	0,56
Bắc Ninh	0,62
Hải Dương	0,38
Hà Nội	0,59
Bình Dương	0,53
Tổng	0,54

Nguồn thu nhập của hộ gia đình

Để tìm hiểu trong số những hộ gia đình có biến động đất đai có sự khác nhau giữa cơ cấu nguồn thu nhập của hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác và hộ gia đình không bị thu hồi đất canh tác hay không, việc thực hiện phép tính toán lại biến và xử lý tương quan giữa biến số “nguyên nhân biến động đất đai” đã được tính toán lại và biến “nguồn thu chính của hộ gia đình hiện nay”, cho kết quả thu được ở bảng 11. Hộ gia đình “không bị thu hồi đất” có nguồn thu chính là phi “nông, lâm, thủy sản”, còn hộ gia đình “bị thu hồi đất” có nguồn thu chính nghiêng về “nông, lâm, thủy sản” nhiều hơn. Với mức ý nghĩa $\alpha=0,000$ (trong kiểm định χ bình phương) thì mối quan hệ giữa 2 biến trên là có ý nghĩa thống kê. Nói cách khác, có sự ảnh hưởng của việc thu hồi đất canh tác đến nguồn thu chính của hộ gia đình. Như vậy, có vẻ có một nghịch lý là những hộ bị “mất đất canh tác” lại “vẫn” có xu hướng phải dựa vào nguồn thu nhập từ chính ngành nghề mà nguồn lực quan trọng của chúng đang bị thu hẹp. Còn những hộ gia đình mà nguồn lực đất canh tác không bị thu hẹp lại có xu hướng thu nhập từ các ngành nghề phi nông, lâm, ngư nghiệp nhiều hơn từ nhóm ngành nông, lâm, ngư nghiệp. Với hệ số Cramer’V=0,213 đo được từ quan hệ của hai biến trên cho thấy, mặc dù mối quan hệ này là có ý nghĩa thống kê, nhưng mức độ ảnh hưởng là rất thấp. Do vậy, những nhận định trên có lẽ cần được nghiên cứu và kiểm chứng bằng những dữ liệu khác nữa.

Bảng 11. Nguồn thu nhập chính của hộ gia đình

Nguồn thu nhập chính	Bị thu hồi		Không bị thu hồi		Tổng	
	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %
Nông, lâm, thủy sản	263	37,4	20	13,2	283	33,1
Công chức, viên chức	43	6,1	12	7,9	55	6,4
Công nghiệp	113	16,1	23	15,2	136	15,9
Dịch vụ	41	5,8	14	9,3	55	6,4
Tiểu, thủ công nghiệp	47	6,7	14	9,3	61	7,1
Kinh doanh, buôn bán	92	13,1	36	23,8	128	15,0
Nguồn khác	105	14,9	32	21,2	137	16,0
Tổng	704	100	151	100	855	100

$\alpha=0,000$; Cramer'V=0.213

Mức sống của hộ gia đình so với trước khi bị thu hồi quyền sử dụng đất canh tác

Khoảng 2/3 hộ gia đình thuộc ba tỉnh cho rằng mức sống của gia đình họ không thay đổi so với trước khi bị thu hồi đất canh tác (Bảng 12). Với nhận định của các hộ gia đình ở ba tỉnh thì mức sống của hộ gia đình ở Bình Dương có chiều hướng giảm đi còn ở Bắc Ninh và Hải Dương thì tốt hơn. Từ kết quả phân tích ở những mục trên, ở đây xuất hiện một điều khá lý thú là những tỉnh có tỷ lệ hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác cao hơn thì mức sống lại được cải thiện tốt hơn tỉnh có tỷ lệ hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác ít hơn. Xu hướng này không có vẻ là ngẫu nhiên mà có thể suy cho tổng thể (hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác tại ba tỉnh). Tuy nhiên, dữ liệu ở bảng 12 cho thấy đây là xu hướng không mấy rõ rệt trong mẫu khảo sát. Hơn nữa, kết quả này được rút ra từ cảm nhận chủ quan của người trả lời nên cũng phần nào ảnh hưởng đến độ phù hợp giữa dữ liệu thu được và thực tế. Do vậy, đây cũng là gợi ý để nghiên cứu thêm.

Bảng 12. Mức độ thay đổi mức sống so với trước khi bị thu hồi đất canh tác

Mức độ	Bắc Ninh		Hải Dương		Bình Dương		Tổng	
	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %
Tốt hơn	124	28,6	34	21,4	14	18,9	172	25,8
Vẫn như cũ	276	63,6	110	69,2	30	40,5	416	62,4
Giảm đi	34	7,8	15	9,4	30	40,5	79	11,8
Tổng	434	100,0	159	100,0	74	100,0	667	100,0

$\alpha=0,000$; Cramer'V=0,227

Kết luận

Công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã buộc phải thu hồi đất canh tác của hộ gia đình nông dân để xây dựng các công trình của địa phương và quốc gia cũng như các khu công nghiệp hay khu vực dịch vụ-du lịch... Hộ gia đình nông dân đã mất đi nguồn tài sản vốn gắn bó lâu đời với họ đó là đất đai, một nguồn vốn tự nhiên quan trọng trong sinh kế của hộ gia đình nông dân. Sự suy giảm mạnh mẽ của một nguồn vốn đã thúc đẩy hộ gia đình nông dân phải thay đổi chiến lược sinh kế của mình. Một bức tranh nhiều màu sắc mô tả các chiến lược này. Làm gì? Làm ở đâu là vấn đề mà các hộ gia đình nông dân đã lựa chọn dựa trên chính điều kiện kinh tế xã hội (hay các nguồn tài sản) của họ. Một bức tranh chung cho thấy đất nông nghiệp bị thu hẹp đã buộc nhiều hộ gia đình phải chuyển đổi sang những ngành phi nông nghiệp. Quá trình này đã và đang diễn ra ở cả những vùng nông thôn không bị thu hồi đất canh tác, nhưng có thể ở những vùng bị thu hồi thì sự dịch chuyển này sẽ mạnh mẽ hơn. Trong chiến lược sinh kế của hộ gia đình nông dân bị thu hồi đất, xu hướng để lao động của gia đình đi làm ăn xa không được nhiều hộ gia đình lựa chọn. Và việc lựa chọn này không phụ thuộc vào chuyện bị thu hồi đất hay không, bị thu hồi đất nhiều hay ít mà lại phụ thuộc vào chính điều kiện (hay nói theo lý thuyết của Khung sinh kế bền vững thì là những quá trình và cấu trúc) của từng địa phương. Sự suy giảm đất canh tác dường như đã thúc đẩy các chiến lược sinh kế đa dạng của hộ gia đình nông dân khiến đời sống của các hộ này đang được họ cảm nhận là cao hơn so với những cảm nhận của hộ gia đình không bị mất đất. Tuy nhiên, mức sống của các hộ gia đình nông dân hiện nay vẫn chưa được đánh giá là thoát khỏi mức trung bình một cách chắc chắn. Điều đó cho thấy sinh kế của đại đa số hộ gia đình nông thôn trong thời kỳ hiện đại hóa, công nghiệp hóa hiện nay thiếu tính bền vững, đe dọa đến phát triển kinh tế hộ gia đình trong nhiều năm tới.

Thảo luận thêm

Những phát hiện trong bài viết có thể không mới, nhưng chúng cũng góp phần khẳng định những phát hiện từ những nghiên cứu đi trước và làm rõ hơn bức tranh đa sắc màu về sinh kế của hộ gia đình nông thôn bị ảnh hưởng của thu hồi đất canh tác. Dữ liệu từ kết quả nghiên cứu “Tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến sự phát triển nông thôn Việt Nam trong giai đoạn 2010-2020” (ĐTĐL.2010T/38) đề cập đến nhiều chiều cạnh khác nhau chứ không chỉ về đất đai và sử dụng đất đai ở nông thôn. Do vậy, rất khó để tìm kiếm đầy đủ bằng chứng để lý giải những vấn đề đặt ra trong bài viết này. Chính vì lẽ đó, những phát hiện trong bài viết này có thể được xem như những tham khảo về dữ liệu và phân tích cho những nghiên cứu khác về những vấn đề liên quan.

Tài liệu trích dẫn

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thống kê, UNICEF, Viện Gia đình và Giới. 2008. *Kết quả điều tra gia đình Việt Nam năm 2006*. Hà Nội. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UNICEF Việt Nam.
- Ngô Hữu Hoạch. 2010. "Nghiên cứu ảnh hưởng sinh kế của người nông dân khi chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp tại thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam". *Tạp chí Khoa học đất*, Số 35.
- Diana Carney. 1998. *Sustainable Rural Livelihoods. What contribution can we make?* Department for International Development (DFID).